TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 1331/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 30-12-2021.
V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Kim Khánh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Văn Hải.
2. Ông Lê Thanh Vũ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hiển – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Cao Hoàng Thắng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 292/2020/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 9 năm 2020 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3197/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Hoài L, sinh năm 1991; địa chỉ: 18/1A Quốc lộ 1A, phường TTH, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (có đơn xin vắng mặt);

2. Bị đơn: Ông E, sinh năm 1983; Quốc tịch: Hoa Kỳ; Địa chỉ: 172F Segundo Leon Guerrero Street, Tamuning Guam 96913, USA (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày ngày 20/8/2020, bản tự khai ngày 13/01/2021 của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hoài L trình bày:

Bà và ông E tự nguyện kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 94 do Ủy ban nhân dân Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 07/12/2016. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng sống hạnh phúc đến cuối năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Bắt đầu từ năm 2019, hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do công việc của ông E gặp trục trặc, bị chấm dứt hợp đồng lao động. Tình cảm phai nhạt, ông E không còn quan tâm tới gia đình, có quan hệ ngoài luồng với người phụ nữ khác. Bà đã nhiều lần khuyên giải để đảm bảo hạnh phúc gia đình nhưng ông E không thay đổi. Bà và

ông E đã không còn sống chung từ đầu năm 2019 đến nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, khả năng đoàn tụ không có, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với ông E để có điều kiện ổn định cuộc sống.

Con chung: Bà Nguyễn Thị Hoài L khai không có.

Tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Hoài L khai không có.

Ngày 28 tháng 01 năm 2021, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã có công văn số 86/UTTPDS- TA30 về thực hiện thủ tục ủy thác tư pháp gửi Bộ Tư pháp yêu cầu cơ quan có thẩm quyền của Hợp chúng quốc Hoa Kỳ thông báo việc thụ lý vụ án, tiến hành lấy lời khai và thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, xét xử công khai đối với ông E.

Ngày 12 tháng 4 năm 2021, Bộ Tư pháp đã có công văn số 760/CH-BTP theo đó, Bộ Tư pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đề nghị Công ty ABC Legal, Hoa Kỳ thực hiện yêu cầu ủy thác tư pháp nêu trên.

Ngày 19 tháng 10 năm 2021, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã có công văn số 590/TATP-TGĐVNCTN về việc đề nghị Bộ Tư pháp thông báo kết quả ủy thác tư pháp đối với hồ sơ ủy thác tư pháp cho ông E.

Ngày 22/12/2021, bà Nguyễn Thị Hoài L có đơn xin vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc, mở phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, xét xử của Tòa án, do bà bận công việc, không sắp xếp được thời gian theo lịch triệu tập của Tòa án.

Bị đơn ông E đã được Tòa án nhân Thành phố Hồ Chí Minh tiến hành ủy thác tư pháp hợp lệ để tham gia tố tụng tại Tòa án, nhưng ông E không có văn bản trả lời và vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Việc tuân thủ pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng "Nguyên tắc xét xử, thành phần hội đồng xét xử, sự có mặt của các thành viên trong hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa; Phạm vi xét xử sơ thẩm" theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bà Nguyễn Thị Hoài L được ly hôn với ông ông E.

Con chung: Bà Nguyễn Thị Hoài L khai không có.

Tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị Hoài L khai không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời khai của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền: Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hoài L yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông E. Bị đơn hiện đang cư trú tại 172F Segundo Leon Guerrero Street, Tamuning Guam 96913, USA. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 37, khoản 2 Điều 38 của Bộ luật tố tụng dân sự, đây là vụ án hôn nhân và gia đình về Ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về tố tụng: Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án nhân Thành phố Hồ Chí Minh tiến hành ủy thác tư pháp thông báo thời gian xét xử nhưng vắng mặt lần thứ 02 không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào giấy chứng nhận kết hôn số 94 do Ủy ban nhân dân Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 07/12/2016 có đủ cơ sở để xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Hoài L và ông E là hôn nhân hợp pháp.

Xét thấy, tại bản tự khai của bà L khai rằng sau khi kết hôn, hai vợ chồng sống hạnh phúc đến cuối năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Bắt đầu từ năm 2019, hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do công việc của ông E gặp trục trặc, bị chấm dứt hợp đồng lao động. Bà và ông E đã không còn sống chung từ đầu năm 2019 đến nay. Quan hệ hôn nhân chỉ tồn tại về mặt pháp lý, còn thực tế vợ chồng không sống chung, không có điều kiện quan tâm, chăm sóc nhau, tình cảm ngày càng nhạt phai, không còn tình cảm với nhau. Tòa án đã tiến hành ủy thác tư pháp thông báo ngày giờ hòa giải, xét xử cho ông bị đơn nhưng bị đơn vẫn không có ý kiến và cũng không có mặt, qua đó cho thấy ông E đã không còn quan tâm đến cuộc hôn nhân này. Xét thấy vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau san sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; nghĩa vụ sống cùng với nhau. Nay mỗi người sống mỗi nơi, không có khả năng đoàn tụ, hàn gắn, tình cảm vợ chồng càng không có điều kiện vun đắp nên căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho bà Nguyễn Thị Hoài L được ly hôn với ông E để các bên ổn định cuộc sống.

[3.2] Về con chung: Bà L khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Hoài L khai không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí, chi phí tố tụng khác:

[4.1] Về án phí:

Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0091787 ngày 13 tháng 5 năm 2020 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà L đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

[4.2] Về chi phí tố tụng khác: Bà L phải chịu chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài theo quy định của pháp luật.

[5] Về quyền kháng cáo: Căn cứ khoản 1 Điều 273, khoản 4 Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự, thời hạn kháng cáo là 12 (Mười hai) tháng kể từ ngày bà Nguyễn Thị Hoài L nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Đối với ông E thời hạn kháng cáo bản án là 12 (Mười hai) tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37, khoản 2 Điều 38, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228; khoản 1 Điều 273; Điều 464; điểm d khoản 1, khoản 2 Điều 469, khoản 3 Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51; Điều 53, Điều 54, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 122, Điều 123 và Điều 127 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hoài L.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Hoài L được ly hôn với ông E.

(Giấy chứng nhận kết hôn số 94 do Ủy ban nhân dân Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 07/12/2016 cho bà Nguyễn Thị Hoài L và ông E không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật).

1.2. Về con chung: Không có.

1.3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

2. Án phí, chi phí tố tụng khác:

2.1. Về án phí: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hoài L phải chịu án phí sơ thẩm số tiền 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0092479 ngày 01 tháng 9 năm 2020 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà L đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

2.2. Về chi phí tố tụng khác: Bà L phải chịu chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài theo quy định của pháp luật.

3. Thời hạn kháng cáo là 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày bà Nguyễn Thị Hoài L nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Đối với ông E thời hạn kháng cáo bản án là 12 (Mười hai) tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân Tối cao;
- Tòa án nhân dân Cấp cao tại TP. HCM;
- Viện kiểm sát Cấp cao tại TP. HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. HCM;
- Cục Thi hành án dân sự TP. HCM;
- UBND Quận A, TPHCM;
- Đương sự;
- Lưu: Văn phòng, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Thị Kim Khánh